

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày 16 - 9 - 2022

*“Tranh chấp đòi lại tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Gấm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Minh Sơn; bà Thạch Thị Mỹ Kim

**- Thư ký - phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST- DS ngày 29/3/2022 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022) giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: phường TP, quận N, thành phố HCM. Người đại diện hợp pháp của ông Năm: Ông Trầm Phú L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp C, xã PH, huyện TC, tỉnh TV (văn bản ủy quyền ngày 28/3/2022 – có mặt)

*Bị đơn:* Ông Châu Văn L, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: khóm 3, phường 3, thành phố TV, tỉnh TV. Nơi tạm trú: khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Trầm Phú L đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Vào tháng 02 năm 2012 ông Nguyễn Văn N gặp và quen biết với ông Châu Văn L. Sau nhiều lần gặp gỡ ông Châu Văn L gợi ý với ông Nguyễn Văn N là: *“Nếu ông Nguyễn Văn N có nguyện vọng đi định cư tại Úc thì ông Châu Văn L làm thủ tục cho ông N. Thời gian hoàn tất thủ tục đi xuất cảnh là 06 tháng, làm thủ tục đi xuất cảnh định cư tại Úc chi phí: Người lớn 75.000USD/người, trẻ em dưới 12 tuổi: 50.000USD/người”*. Do gia đình ông Nguyễn Văn N có nguyện vọng muốn đi định

cư tại Úc sinh sống để lo cho các con ăn học, nên đã đề xuất yêu cầu trên với ông L làm thủ tục cho hai vợ chồng ông Nguyễn Văn N và hai đứa con nhỏ.

Tháng 3 năm 2012 ông Châu Văn Luận đã nhận của ông Nguyễn Văn N là 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*); sau đó ông Châu Văn L đến nhận tiền của ông Nguyễn Văn N nhiều lần. Tổng cộng số tiền ông Châu Văn L đã nhận của ông Nguyễn Văn N từ tháng 03 năm 2012 đến ngày 23 tháng 09 năm 2013 là: 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) và 218.500USD (*Hai trăm mười tám ngàn năm trăm USD*) theo Biên bản giao nhận tiền ngày 23/9/2013. Ông Nguyễn Văn N đã chờ ông L một thời gian quá lâu mà không thấy ông Châu Văn L hoàn tất việc làm thủ tục cho gia đình đi xuất cảnh, ông Nguyễn Văn N gặp và điện thoại thì ông Châu Văn L hứa hết lần này đến lần khác mà không có kết quả gì, sau đó ông Châu Văn L lẩn trốn, điện thoại cũng không liên lạc được nữa.

Ngày 22 tháng 04 năm 2015 ông Nguyễn Văn N gặp được ông L tại số nhà khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV, ông Châu Văn L đồng ý viết giấy xác nhận là có nhận của ông Nguyễn Văn N số tiền là: 60.000.000đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và 218.500USD (*Hai trăm mười tám ngàn năm trăm USD*) và cam kết trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày viết giấy biên nhận sẽ lo xong thủ tục cho gia đình ông Nguyễn Văn N đi xuất cảnh sang Úc; nếu không lo được ông Châu Văn L sẽ hoàn trả số tiền nêu trên cho ông Nguyễn Văn N. Ông Nguyễn Văn N đã nhiều lần yêu cầu ông Châu Văn L trả lại số tiền trên nhưng ông Châu Văn L không trả.

Ông Năm có làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự đối với ông Châu Văn L, tại Thông báo số 6317/TB-PB02(Đ8) ngày 19/11/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Hồ Chí Minh thông báo cho ông Nguyễn Văn N biết về việc không khởi tố vụ án hình sự đối với ông Châu Văn L.

Do đó, ông Nguyễn Văn Năm khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giải quyết, buộc ông Châu Văn L phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 5.151.050.000đ (gồm 60.000.000đ và 218.500USD x 23.300đ/USD = 5.091.050.000đ).

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trầm Phú L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch giữa đơn khởi kiện so với tỷ giá được công bố ngày 16/9/2022 là 3.714.500đ (5.091.050.000đ – 5.087.335.500đ) và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 2.742.000.000đ.

*Bị đơn ông Châu Văn L vắng mặt tại phiên tòa.*

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng ông Châu Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố giao dịch bằng ngoại tệ giữa ông Nguyễn Văn N với ông Châu Văn L là vô hiệu. Vì, các bên vi phạm điều cấm của pháp luật. Căn cứ Điều 256 Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 5.147.335.500đ. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà đại diện nguyên đơn đã rút. Ngoài ra, vì đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:**

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông Châu Văn L phải trả cho ông N số tiền 5.151.050.000đ, nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Châu Văn L có nơi cư trú tại khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ là xác minh nơi cư trú của ông Châu Văn L và có yêu cầu trưng cầu giám định nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Châu Văn L, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà

Vinh cho bị đơn ông Châu Văn L nhưng ông L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Châu Văn L.

**[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:**

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N đã nộp cho Tòa án Biên bản giao nhận tiền ngày 23/9/2013 và giấy biên nhận ngày 22/4/2015 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án có triệu tập ông Châu Văn L đến Tòa án để làm rõ về 02 giấy biên nhận nêu trên nhưng ông L không đến. Phía ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký mang tên “Châu Văn L” trong Biên bản giao nhận tiền ngày 23/9/2013 và giấy biên nhận ngày 22/4/2015 nêu trên.

Để việc giải quyết vụ án được khách quan công bằng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của đương sự, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký mang tên Châu Văn L trong hai tài liệu nêu trên. Tại Kết luận giám định số 399/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận chữ ký mang tên Châu Văn L trong 02 tài liệu nêu trên và các chữ ký của ông Châu Văn L trong tài liệu mẫu so sánh là cùng một người ký ra (Tài liệu mẫu so sánh là các tài liệu có chữ ký sống của ông Châu Văn L, sinh năm 1954 trên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án “*Ly hôn*” giữa nguyên đơn Nguyễn K L, sinh năm 1993 với bị đơn Châu Văn L, sinh năm 1954 được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh thụ lý số 134/TB-TLVA ngày 09/6/2014). Kết luận số 399/KL-KTHS nêu trên được xem là nguồn chứng cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Châu Văn L có nhận của ông Nguyễn Văn N số tiền 218.500USD và 60.000.000đ tiền Việt Nam. Tuy nhiên, giao dịch giữa ông Nguyễn Văn N với ông Châu Văn L đối với số tiền 218.500USD là bị vô hiệu. Vì, các bên vi phạm điều cấm của pháp luật trong việc sử dụng Ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. Cụ thể, vi phạm Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 và Điều 29 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối nên giao dịch dân sự nêu trên giữa ông N và ông L bị vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại khoản 2 Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu “2. *Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu ... nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền ...*”. Như vậy, ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông N bằng tiền Việt Nam đồng. Căn cứ theo Thông báo số 366/TB-NHNN ngày 16/9/2022 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tỷ giá tại Cổng thông tin điện tử <http://www.sbv.gov.vn> chuyên

mức tỷ giá thì tỷ giá từ đồng đô la Mỹ sang tiền Việt Nam đồng là 1USD (đô la Mỹ) = 23.283 VND (Việt Nam đồng). Như vậy, số tiền 218.500USD được quy đổi thành 5.087.335.500 VND (218.500USD x 23.283đ). Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền là 5.087.335.500VND và 60.000.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 137, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía ông Châu Văn L, theo chứng cứ ông Năm cung cấp cho Tòa án, thì ngày 22/4/2015 ông L còn viết “giấy biên nhận” tại nhà của ông L ở khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV nhưng sau đó ông L đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông N biết về nơi cư trú mới của mình theo quy định tại khoản 3, Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông L nhưng ông L không ghi ý kiến của mình cho Tòa án biết, điều này cho thấy ông L tự từ chối quyền được trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Phú L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chênh lệch giữa đơn khởi kiện so với tỷ giá được công bố ngày 16/9/2022 là 3.714.500đ (5.091.050.000đ – 5.087.335.500đ) và rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi 2.742.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần đơn yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn N. Buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.147.335.500đ.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N có căn cứ nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Châu Văn L, sinh năm 1954 là người trên 60 tuổi. Lẽ ra, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông L theo quy định điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông L không đến Tòa án và không có đơn đề nghị miễn giảm án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên không được Hội đồng xét xử miễn án phí. Từ đó, ông L phải có nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại điểm e mục 1.3 Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về chi phí giám định*: ông Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng tiền chi phí giám định là 5.000.000đ, đã chi cho việc giám định là 4.411.980đ. Kết quả giám định chữ ký mang tên Châu Văn L trong 02 tài liệu mà ông N yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định là của ông Châu Văn L. Như vậy, ông N đã chứng minh được yêu cầu của ông N là có căn cứ nên ông N không phải chịu chi phí giám định và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử buộc ông Châu Văn L phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 94; khoản 1 Điều 102; Điều 146; Điều 147; Điều 159; khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273; Điều 184 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 256; điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 128 và Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 3, Điều 40; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 và Điều 29 Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh Ngoại hối năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.147.335.500đ. (*Năm tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 2.745.714.500đ mà đại diện nguyên đơn đã rút yêu cầu.

*Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ nộp 113.147.335đ (*Một trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.950.000đ theo biên lai thu tiền số 0010079 ngày 28/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

*Về chi phí giám định:* Buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ nộp 4.411.980đ (Bốn triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm tám mươi đồng) để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N. Số tiền còn lại 588.020đ ông N được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để nhận lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Châu Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*\* Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Gấm**